

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2025/DS- PT

Ngày: 19/9/2025

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Chuyên, bà Triệu Thị Luyện.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2025/DS-PT ngày 23/7/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2025/QĐ-PT ngày 06/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2025/QĐ - PT ngày 07/9/8/2025 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Chu Văn N, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Chu Văn N là: Luật sư Nguyễn Văn D - Công ty L - Đoàn luật sư tỉnh B; Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Chu Văn N là nguyên đơn và ông Nguyễn Xuân T là

bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Chu Văn N trình bày:* Ông và ông Nguyễn Xuân T có quan hệ là bạn bè và quen biết nhau nên ngày 16/5/2017 ông có cho ông T vay số tiền 400.000.000 đồng, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền ngày 16/5/2017. Theo giấy biên nhận vay tiền thì ông T có nhận của ông số tiền 400.000.000 đồng và hẹn ông nếu cần tiền thì báo trước cho ông T 15 ngày ông T sẽ trả ông số tiền trên, ông T còn có ký vào phần người nhận và ông đã giao đủ tiền trên cho ông T. Trong giấy biên nhận vay tiền không thỏa thuận về lãi suất và nêu mục đích vay để làm gì, ông T có nói bên ngoài với ông là vay tiền để đặt cọc mua than sít.

Khoảng 01 năm sau khi ông T vay ông tiền thì ông có đến đòi ông T và báo trước cho ông T 15 ngày như thỏa thuận nhưng ông T cũng không trả ông tiền, ông T khất nợ hết lần này đến lần khác. Đến nay ông T vẫn chưa trả được ông đồng nào.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T phải trả ông số tiền gốc 400.000.000 đồng đã vay ngày 16/5/2017 và tiền lãi trên số tiền gốc, với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 16/5/2017 đến 16/5/2024, cụ thể là 560.000.000 đồng. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Việc ông T vay tiền ông không liên quan đến vợ ông T và cũng không liên quan đến vợ ông, đây là việc làm ăn cá nhân của ông và ông T nên ông đề nghị Tòa án không đưa vợ con ông và vợ con ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

** Bị đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:* Ông và ông Chu Văn N có quan hệ quen biết vì có làm ăn cùng với nhau nên tối ngày 16/05/2017 giữa ông và ông N có trao đổi với nhau về việc đặt cọc tiền mua than sít, khi trao đổi với nhau là thời điểm ông và ông N đang uống rượu cùng với nhau, sau khi uống rượu xong lên xe thì ông N có bảo ông viết giấy biên nhận vay tiền, số tiền là 400.000.000 đồng, mục đích vay là để ông và ông N cùng đặt cọc mua than sít ở tỉnh Quảng Ninh nên ông đã đồng ý viết biên bản nhận vay tiền ngày 16/05/2017. Theo giấy biên nhận vay tiền này thì thỏa thuận ông vay ông N số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả là khi nào ông N cần thì báo trước cho ông 15 ngày, ông sẽ trả. Trong biên nhận vay tiền không thỏa thuận lãi suất. Ông là người viết biên nhận vay tiền và kí phần người nhận.

Tòa án cho ông tiếp cận Biên nhận vay tiền ngày 16/05/2017, ông khẳng định là chữ viết, chữ kí của ông. Ông có viết, có kí như vậy nhưng bản chất của sự việc là ông N không đưa tiền cho ông mà nói để sáng mai (tức sáng ngày 17/05/2017), ông N sẽ đưa cho ông tiền mặt sau, nhưng đến sáng ngày 17/05/2017 ông N không đưa cho ông một đồng nào cả. Mấy ngày sau ông lại tiếp tục đòi 400.000.000

đồng mà ông đã ký nhận vay tiền nhưng ông N vẫn không đưa cho ông tiền. Ông có nói với ông N là không đưa tiền thì mang giấy biên nhận vay tiền cho ông hoặc hủy giấy biên nhận vay tiền đi, ông N nói là không đưa tiền coi như giấy không có giá trị gì, ông N đã không đưa lại cho ông giấy biên nhận vay tiền trên.

Đến nay, ông N sử dụng giấy biên nhận vay tiền ngày 16/05/2017 để khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho ông N số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc với mức lãi suất 20%/năm, tính từ ngày ngày 16/05/2017 đến ngày 16/05/2024 là 560.000.000 đồng. Tổng số tiền ông N yêu cầu ông phải trả là 960.000.000 đồng. Ông hoàn toàn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông N vì ông không được nhận bất cứ khoản tiền vay tiền nào của ông N, ông chỉ viết biên nhận tiền, thực chất ông không được nhận tiền. Việc ông ký nhận giấy biên nhận vay tiền trên chỉ có ông và ông N trên xe, ngoài ra không có ai khác chứng kiến.

Việc vay tiền của ông và ông N không liên quan tới vợ con ông vì đây là việc làm ăn cá nhân của ông và ông N. Ông đề nghị Tòa án không đưa vợ con ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra quyết định yêu cầu ông Nguyễn Xuân T cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh cho việc ông ký nhận vay tiền của ông Chu Văn N ngày 16/5/2017 số tiền 400.000.000 đồng nhưng ông T không được nhận số tiền nào từ ông N và đề nghị ông T chứng minh khi ký nhận vay tiền ông đang trong tình trạng say rượu, không điều khiển được hành vi của mình, thì ông T không cung cấp được những tài liệu chứng cứ trên.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh) đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chu Văn N:

1. Buộc ông Nguyễn Xuân T phải trả cho ông Chu Văn N số tiền nợ theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 16/5/2017 tổng là 431.716.000 đồng (*Trong đó số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 31.716.000 đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn N về việc buộc ông Nguyễn Xuân T phải trả số tiền lãi là 608.284.000 đồng (*Sáu trăm linh tám triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn đồng*)

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 21.268.640 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Chu Văn N phải chịu số tiền 28.331.360 đồng nhưng được trừ đi số tiền ông đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005354 ngày 14 tháng 10 năm 2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang là 20.400.000 đồng. Ông N còn phải nộp số tiền 7.931.360 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn ông Chu Văn N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu về việc đòi tiền lãi của ông đối với ông Nguyễn Xuân T.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và quan điểm đã trình bày. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Luật sư Nguyễn Văn D trình bày:* Nguyên đơn kháng cáo một phần nội dung của Bản án sơ thẩm đối với nội dung buộc ông T phải trả lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Ông N đã yêu cầu ông T trả tiền theo nội dung thỏa thuận tại giấy vay tiền là ông T sẽ trả ông N trong vòng 15 ngày. Từ lúc ông N yêu cầu ông T trả tiền đến thời điểm tiến hành xét xử phúc thẩm là 08 năm, mức lãi suất 10%/01 năm đến thời điểm hiện nay là 320 triệu đồng tiền lãi.

- *Nguyên đơn ông Chu Xuân N1 trình bày:* Nhất trí với phần trình bày của Luật sư.

Ông Nguyễn Xuân T trình bày: Tôi không đồng ý đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Mặc dù giấy vay tiền là sai mục đích nhưng cũng không có thỏa thuận về lãi. Việc ông N1 trình bày đã nhiều lần yêu cầu tôi trả nợ là không có căn cứ. Đối với nội dung kháng cáo của tôi; tôi không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm do tôi không được nhận số tiền theo giấy vay nợ. Nếu trường hợp ông N1 đồng ý thỏa thuận số tiền 240 triệu đồng thì tôi đồng ý trả. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Chu Văn N và ông Nguyễn Xuân T mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Chu Văn N yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông về việc yêu cầu ông T phải trả lãi của khoản vay 400.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ theo giấy biên nhận vay tiền ngày 16/5/2017 thể hiện ông Chu Văn N cho ông Nguyễn Xuân T vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng ông N và ông T đều khẳng định các bên không thỏa thuận về việc trả tiền lãi đối với khoản tiền trên, thời hạn trả tiền khi ông N cần thì báo trước cho ông T 15 ngày. Trong thời gian từ ngày 16/5/2017 ông T không trả cho ông N bất kỳ khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Ông N khẳng định 01 năm sau ngày cho vay tiền ông đã đôn đốc ông T trả tiền nhưng ông N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông đòi tiền của ông T. Mặc khác, ông T khẳng định không có việc ông N đòi tiền mà đến khi ông N khởi kiện thì ông N mới đòi tiền của ông T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày ông N làm đơn khởi kiện 29/7/2024 tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 16/5/2025 là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Tại cấp phúc thẩm, ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho kháng cáo của ông là có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Chu Văn N như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại phiên tòa là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn N, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ theo giấy vay tiền ngày 16/5/2017, ông T khẳng định toàn bộ chữ viết và chữ ký của người vay trong giấy vay tiền đúng là chữ ký của ông T, ông T viết giấy vay tiền trên cơ sở tự nguyện. Giấy vay tiền thể hiện ông T vay của ông N số tiền 400.000.000đ, không ghi lãi suất, ghi thời hạn trả tiền là khi ông N cần thì báo trước ông T 15 ngày. Ông T cho rằng mục đích viết giấy vay tiền là do ông N đặt cọc tiền mua than sít nhưng ông N chưa đưa số tiền 400.000.000đ cho ông. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông không được nhận số tiền 400.000.000đ từ ông N.

Đối với số tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án ông T khẳng định đến khi ông N khởi kiện là ngày 29/7/2024 thì ông N mới đòi tiền ông T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 29/7/2024 và buộc ông T phải trả tiền lãi của số tiền 400.000.000đ tính từ ngày 29/7/2024 đến ngày 16/5/2025 là phù hợp với quy định tại Điều khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với tiền lãi Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải trả ông N tiền lãi của số tiền 400.000.000đ theo lãi suất 0,83%/ tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại cấp phúc thẩm, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình là có căn cứ để chấp nhận.

Từ phân tích ở trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Chu Văn N và ông Nguyễn Xuân T. Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh)

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Chu Văn N và ông Nguyễn Xuân T mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Văn N và ông Nguyễn Xuân T, giữ nguyên bản án dân sự

sơ thẩm số 42/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh)

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Chu Văn N và ông Nguyễn Xuân T mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Chu Văn N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002120 ngày 08/7/2025 của phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Bắc Ninh. Ông Nguyễn Xuân T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002962 ngày 10/6/2025 của phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Bắc Ninh. Ông Chu Văn N và ông Nguyễn Xuân T đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 1- Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1- Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng